

THỰC TIỄN CÔNG TÁC ĐỒN ĐIỀN ĐỔI THỪA VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN TẠI HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Huỳnh Văn Chương*, Nguyễn Thụy Đoan

Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế

Email : huynhvanchuong@huanh.edu.vn*

Ngày gửi bài: 02.09.2013

Ngày chấp nhận: 18.11.2013

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành bằng cách tiếp cận và nghiên cứu thực địa và tổng hợp phân tích số liệu trong gần 10 năm qua. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sự manh mún đất đai của huyện với bình quân 3,91 thửa/hộ đã làm cản trở và làm tăng chi phí sản xuất của hộ gia đình cũng như cả cộng đồng lên rất nhiều. Công tác dồn điền đổi thửa đã giảm số thửa xuống còn 2,26 thửa/hộ và diện tích của mỗi thửa đất cũng được tăng 747,51m² so với trước là rất có ý nghĩa đem lại những hiệu quả thiết thực và làm tăng lợi ích cho cả hộ gia đình và cộng đồng. Đặc biệt sau dồn điền đổi thửa đã hỗ trợ nhiều cho công tác phát triển nông nghiệp và nông thôn của mỗi xã. Tuy nhiên, sau công tác dồn điền đổi thửa vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như qui hoạch chưa theo kịp, việc chỉnh lý và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn chậm, cơ sở hạ tầng và tổ chức bố trí lại sản xuất vẫn còn nhiều bất cập và chưa đồng bộ. Nghiên cứu cũng đã đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác dồn điền đổi thửa và hỗ trợ tích cực cho việc phát triển nông nghiệp và nông thôn tại địa phương.

Từ khóa: Dồn điền đổi thửa, hiệu quả, nông thôn mới, qui hoạch, sử dụng đất nông nghiệp.

Practices and Impacts of Land Consolidation to Agricultural and Rural Development in Phu Vang District, Thua Thien Hue Province

Assessment of practices of land consolidation work and its impact to the agricultural and rural development in Phu Vang district, Thua Thien Hue province was carried out through field study and analysis of 10 years-long aggregated data. The agricultural land fragmentation with small average of 3.91 plots per household present major obstacle to large-scale agricultural production and increases the production cost of individual households and the whole community as well. The land consolidation to 2.26 plots per household with 747.51 square meters each is meaningful and has brought about the practical efficiency and increased benefits for households and communities. Especially, post-consolidation of land has created much support for the agricultural and rural development. However, the land consolidation still reveals many limitations such as the lag in land use planning, delayed land use right certificates, inadequate infrastructure and incomplete productive relocation. The findings also suggested some sets of specific solutions to improve the land consolidation and actively support new rural development of local community.

Keywords: Land consolidation, efficiency, new rural development, planning, agricultural land use.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sử dụng đất đai là vấn đề trọng tâm trong lịch sử phát triển của Việt Nam. Điều này cũng đúng cả với những nước khác trên thế giới (Marsh S.P et al., 2007). Thực hiện Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định 64/CP của Chính phủ về giao đất nông nghiệp, UBND các cấp đã cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình cá nhân sử dụng đất

ổn định, lâu dài, tạo điều kiện cho người sử dụng đất an tâm và có kế hoạch đầu tư, cải tạo làm nâng cao hiệu quả sử dụng đất (Luật Đất đai, 1993; Nghị định 64/CP). Song bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện Nghị định 64/CP thì việc giao nhận ruộng đất phải có tốt, xấu, gần, xa và có cao, có thấp đã dẫn đến tình trạng ruộng đất giao bị nhỏ lẻ, manh mún (Nguyễn Xuân Thảo, 2004). Tác giả Phạm Văn Hùng cho rằng, đứng trên

giác độ lý thuyết, manh mún đất đai có cả lợi ích và chi phí (Marsh S.P et al., 2007). Để khắc phục những hạn chế của manh mún đất đai, xu hướng chung hiện nay ở Việt Nam là triển khai chuyển đổi những ô thửa nhỏ ra ô thửa lớn (gọi tắt là dồn điền đổi thửa) là phổ biến và đã kéo dài nhiều năm nay và xem đây là giải pháp quan trọng để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp có hiệu quả hơn (Tiến Dũng, 2013). Thực hiện Quyết định số 2871/2003/QĐ-UB ngày 07/10/2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành đề án tổ chức thực hiện dồn điền đổi thửa khắc phục tình trạng phân tán, manh mún ruộng đất trong nông nghiệp, UBND huyện Phú Vang đã ban hành Phương án số 403/PA-UB tổ chức thực hiện dồn điền đổi thửa (UBND huyện Phú Vang, 2005) và đến nay công tác này đã triển khai được gần 10 năm, nhưng chưa có một công trình nghiên cứu về tính thực tiễn và những tác động của việc dồn điền đổi thửa đến sản xuất nông nghiệp của địa phương. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực tiễn tác động của công tác dồn điền đổi thửa gần 10 năm qua đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, từ đó đề ra những giải pháp và hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn tại địa phương cũng như tham khảo để đề ra chính sách phù hợp ở cấp vĩ mô.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

2.1.1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu thứ cấp

Thu thập các số liệu tại các cơ quan nhà nước và chuyên môn liên quan tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.1.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Tiến hành phỏng vấn các nông hộ chịu ảnh hưởng của công tác dồn điền đổi thửa. Số lượng hộ được chọn là 80 hộ. Việc chọn hộ phỏng vấn mang tính đại diện cho từng vùng nghiên cứu trên địa bàn huyện Phú Vang. Đối tượng phỏng vấn có cả nam và nữ với những đặc trưng khác nhau về độ tuổi, trình độ, địa bàn cư trú,... Đồng

thời nghiên cứu cũng đã tham khảo, xin ý kiến của những người có hiểu biết rộng về công tác dồn điền đổi thửa, chính sách nông thôn mới và các vấn đề liên quan tại Thừa Thiên Huế.

2.1.3. Phương pháp quan sát

Tiến hành khảo sát, quan sát thực trạng kết quả công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện, chụp ảnh lưu lại để thuận tiện cho nghiên cứu sau này.

2.2. Phương pháp thống kê và xử lý số liệu

Trên cơ sở các tài liệu, số liệu thu thập được và kết quả điều tra từ đó tiến hành lựa chọn, phân tích tổng hợp những thông tin liên quan, thống kê và xử lý số liệu theo mục đích, nội dung nghiên cứu. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel.

2.3. Phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá

Trên cơ sở những số liệu thu thập được cũng như số liệu điều tra, tiến hành phân tích, so sánh và dựa vào các công thức để tính toán hiệu quả và đánh giá thực trạng dồn điền đổi thửa, sau đó đề xuất các giải pháp phù hợp để xây dựng nông thôn mới tại địa bàn nghiên cứu.

Các tiêu chí đánh giá sự tác động của công tác dồn điền đổi thửa đến phát triển nông nghiệp và nông thôn gồm: (1) Quy hoạch và thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; (2) quy mô thửa đất; (3) sự thay đổi cơ sở hạ tầng và thủy lợi; (4) chuyển đổi và thay đổi cơ cấu cây trồng; (5) quy mô đầu tư và hiệu quả kinh tế của cây trồng; (6) công tác quản lý nhà nước về đất nông nghiệp.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực tiễn công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

3.1.1. Thực trạng manh mún ruộng đất trước khi thực hiện công tác dồn điền đổi thửa

Thực hiện Nghị định số 64/CP, huyện đã giao 6.813,42ha đất nông nghiệp (NN), chiếm 68% diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, trong đó đất giao ngoài đồng 5.486,64ha, chiếm

Bảng 1. Số hộ và diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP trên địa bàn 10 xã huyện Phú Vang

TT	Tên xã	Số hộ nhận ruộng (hộ)	Số khẩu nhận ruộng (ha)	Diện tích giao (ha)	Tổng số thửa (thửa)
1	Phú Lương	908	4.527	856,73	3.618
2	Phú Mậu	1.183	6.722	370,89	4.895
3	Vinh Hà	1.534	7.662	597,05	3.808
4	Phú Thanh	809	4.096	396,09	5.133
5	Phú Mỹ	1.465	7.741	4.661,67	6.193
6	Phú Đa	766	4.047	374,88	2.504
7	Vinh Thái	1.178	6.126	662,17	4.631
8	Phú Hồ	836	4.457	519,63	3.964
9	Phú Dương	1.252	7.077	297,97	4.526
10	Phú An	563	3.285	195,29	1.790
	Tổng cộng	10.494	55.740	4.732,37	41.062

Nguồn: UBND huyện Phú Vang 2005 và số liệu điều tra thực tế

80,5% quỹ đất giao; đất giao trong vườn nhà 780,43ha chiếm 11,45% quỹ đất giao; đất khó sản xuất 203,71ha chiếm 2,99% quỹ đất giao. Tổng số hộ được giao đất theo Nghị định 64/CP là 16.213 hộ. Đến tháng 5 năm 2000, toàn huyện đã hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.

Bảng 1 cho thấy diện tích đất nông nghiệp ở 10 xã được giao cho các hộ là 4.732,37 ha chiếm

69,45% so với toàn huyện. Tổng cộng có gần 41.062 thửa ruộng, bình quân một hộ có 3,91 thửa, hộ nhiều nhất 10 thửa, hộ ít nhất có 1 thửa. Số thửa của mỗi hộ có trên nhiều xứ đồng là phổ biến, ngược lại diện tích của mỗi thửa lại khá nhỏ, bình quân mỗi thửa khi tính trung bình của 10 xã là 1.152,49m². Trong đó các hợp tác xã (HTX) Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2 (xã Phú Mỹ), Phú Mậu 2 (xã Phú Mậu), Phú Dương là những xã có diện tích thửa đất khá nhỏ thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Tình hình sử dụng thửa đất của các hộ tại các xã của huyện Phú Vang

TT	Tên xã	Hộ ít thửa nhất (thửa)	Hộ nhiều thửa nhất (thửa)	Số trung bình của mỗi hộ (Số thửa)	Diện tích thửa nhỏ nhất (m ²)	Diện tích thửa lớn nhất (m ²)	Diện tích bình quân của mỗi thửa (m ² /thửa)
1	Phú Lương	1	7	4,00	500,00	4.650,12	2.848,24
2	Phú Mậu	2	8	4,02	50,00	2.567,15	735,32
3	Vinh Hà	1	10	2,48	78,00	3.213,24	1.567,88
4	Phú Thanh	1	7	6,35	41,00	3.654,12	773,96
5	Phú Mỹ	1	6	4,20	150,00	4.357,12	787,87
6	Phú Đa	1	8	3,40	150,00	3.768,14	1.507,57
7	Vinh Thái	1	8	3,93	66,00	4.731,15	1.429,86
8	Phú Hồ	2	7	4,74	40,00	3.421,13	1.310,87
9	Phú Dương	1	8	3,62	100,00	2.942,17	658,35
10	Phú An	1	5	3,18	100,00	4.265,15	1.091,01
	Bình quân	1,2	7,4	3,91	194,44	3.330,43	1.152,49

Nguồn: UBND huyện Phú Vang 2007 và tổng hợp điều tra thực tế

Thực tiễn công tác dồn điền đổi thửa và tác động đến phát triển nông nghiệp và nông thôn tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

3.1.2. Kết quả công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Phú Vang

Sau khi dồn điền đổi thửa không có hộ nào là không nhận ruộng, chứng tỏ phương án dồn điền đổi thửa đã đảm bảo quyền lợi của người dân (Bảng 3). Tuy nhiên, diện tích giao cho các hộ có biến động một chút ít do sự chênh lệch diện tích về thửa giữa các hộ. Bình quân số thửa/hộ và bình quân diện tích/thửa giảm xuống một cách rõ rệt (từ 3,91 thửa giảm xuống còn 2,26 thửa/hộ). Diện tích đất giao sau dồn điền đổi thửa giảm 229,21ha là do chuyển sang đất phi nông nghiệp phục vụ quá trình đô thị hóa tại trung tâm xã Phú Đa.

3.2. Tác động của công tác dồn điền đổi thửa đến quản lý và sử dụng đất nông nghiệp

3.2.1. Tình hình quản lý đất đai trước và sau dồn điền đổi thửa

Bảng 4 cho thấy, đến tháng 9 năm 2011 huyện đã cấp được GCNQSDĐ cho 8.970 hộ đạt tỷ lệ 85,48% số hộ phải cấp, số GCNQSDĐ đã cấp là 20.855 giấy đạt tỷ lệ 88% số giấy phải cấp. Để so sánh với tiến độ cấp giấy chung của cả tỉnh Thừa Thiên Huế với địa bàn nghiên cứu, kết quả tổng hợp cho toàn tỉnh như bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy, cùng thời điểm trên, so sánh tiến độ cấp GCNQSDĐ cho các hộ của huyện Phú Vang với các huyện khác có thể thấy rằng Phú Vang là huyện có tỷ lệ đã cấp GCNQSDĐ cao nhất, đạt tỷ lệ 85,48%, tiếp theo là huyện Phú Lộc, Quảng Điền. Tiến độ cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình nhanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân yên tâm sản xuất, thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật và Nhà nước.

Bảng 3. Kết quả dồn điền đổi thửa của huyện Phú Vang

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT	Tăng (+) Giảm (-)
1	Diện tích đất giao	ha	4.732,37	4503,16	- 229,21
2	Số hộ được giao	hộ	10.494,00	10.494,00	0
3	Tổng số thửa	thửa	41.062,00	23.698,00	- 17.364
4	Bình quân số thửa/hộ	thửa/hộ	3,91	2,26	- 1,65
5	Bình quân diện tích/thửa	m ² /thửa	1.152,49	1.900,22	+ 747,51

Nguồn: UBND huyện Phú Vang 2005 và tổng hợp điều tra thực tế

Bảng 4. Tiến độ cấp GCNQSDĐ sau dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Phú Vang (tính đến ngày 31/12/2011)

TT	Tên xã	Cần được cấp			Đã được cấp			Tỷ lệ cấp (%)
		DT (ha)	Hộ	Thửa	DT (ha)	Hộ	Thửa	
1	Phú Lương	814,42	908	2.101	814,42	908	2.101	100,00
2	Phú Mậu	346,54	1.183	2.643	346,54	1.183	2.643	100,00
3	Vinh Hà	567,52	1.534	2.602	113,72	839	965	37,09
4	Phú Thanh	264,47	809	2.154	264,47	809	2.154	100,00
5	Phú Hồ	389,49	836	2.145	389,49	813	2.145	100,00
6	Vinh Thái	933,82	1.178	3.055	933,82	1.178	3.055	100,00
7	Phú Mỹ	411,29	1.465	3.513	340,59	1.176	2.909	82,81
8	Phú Dương	290,81	1.252	2.996	232,29	1.036	2.394	79,91
9	Phú An	160,42	563	959	160,42	563	959	100,00
10	Phú Đa	324,38	766	1.530	324,38	465	1.530	100,00
	Tổng cộng	4503,16	10.494	23.698	3920,14	8.970	20.855	88,00

Nguồn: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2012

Bảng 5. So sánh tiến độ cấp GCNQSDĐ nông nghiệp của huyện Phú Vang sau dồn điền đổi thửa với một số huyện khác của tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên huyện	Kế hoạch cấp GCNQSDĐ			Đã cấp GCNQSDĐ				
		Diện tích	Số hộ	Số thửa	Diện tích	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số giấy
1	Phú Vang	4503,16	10.494	23.698	3920,14	87,08	8.970	85,48	20.855
2	Phú Lộc	3163,16	13.322	25.103	1.809,49	57,21	7.186	53,94	12.356
3	Quảng Điền	5624,60	15.365	33.321	1.692,90	47,88	6.860	44,65	20.586
4	Hương Thủy	2956,28	9.770	16.995	1.327,41	44,90	2.466	25,24	9.300
5	Phong Điền	4611,97	12.848	52.665	911,04	19,75	3.267	25,43	8.432
6	Hương Trà	3194,33	9.163	31.752	344,99	10,80	1.837	20,05	3.754
	Cộng	2053,5	70.962	183.534	9.853,72	40,97	27.724	39,07	67.597

Nguồn: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2012

3.2.2. Tình hình biến động sử dụng đất trước và sau dồn điền đổi thửa

Qua bảng 6 đã thể hiện, diện tích đất tự nhiên của 10 xã sau dồn điền đổi thửa có giảm đi 52,57 ha so với trước dồn điền đổi thửa nguyên nhân là do việc quét lại bản đồ địa chính dạng số của huyện. Và trong từng loại đất cụ thể có sự thay đổi tăng, giảm giữa các mục đích sử dụng đất với nhau sau quá trình dồn điền đổi thửa. Nguyên nhân do có qui hoạch và bố trí lại sản xuất cho từng loại cây trồng sau khi qui mô diện tích từng thửa đất tăng lên. Một số loại đất sản xuất nông nghiệp giảm mạnh do tác động quá trình đô thị hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng, kênh mương thủy lợi.

3.2.3. Tỷ lệ và hệ số sử dụng đất trước và sau khi dồn điền đổi thửa

Bảng 7 cho thấy, tỷ lệ sử dụng đất của các xã thực hiện dồn điền đổi thửa đã tăng lên 5,51% so với trước kia. Tỷ lệ sử dụng đất tăng lên đã làm giảm đi nhiều diện tích đất chưa sử dụng, đưa diện tích đất hoang hóa vào sử dụng nhiều mục đích khác như đất ở, đất sản xuất nông nghiệp. Như vậy, sau dồn điền đổi thửa việc sử dụng đất đai đã có hiệu quả hơn so với trước đó.

Qua bảng 8 cho thấy, hệ số sử dụng đất tăng nguyên nhân là do trong những năm 2006 đến nay, người nông dân ngày càng có nhiều kiến thức hơn trong lĩnh vực trồng trọt và tăng

số mùa vụ trên năm ở những diện tích có đủ điều kiện canh tác. Tuy nhiên, hệ số sử dụng đất của các xã thực hiện dồn điền đổi thửa vẫn còn thấp, nguyên nhân chung là do điều kiện thời tiết khắc nghiệt đặc biệt là lũ lụt nên ở một số vùng không thể gieo trồng được vụ đông. Nguyên nhân nữa, mặc dù diện tích đất canh tác tăng lên 1072,78 ha nhưng trong khi đó diện tích gieo trồng chỉ tăng lên 2168,5 ha, điều đó đã làm hệ số sử dụng đất tăng không nhiều.

3.3. Tác động của công tác dồn điền đổi thửa đến hiệu quả sản xuất và phát triển nông nghiệp và nông thôn của huyện

3.3.1. Tác động của công tác dồn điền đổi thửa đến hiệu quả sản xuất

- Tác động đến kinh tế hộ nông thôn

Ở huyện Phú Vang, quá trình dồn điền đổi thửa gắn liền với việc quy hoạch sản xuất nông nghiệp, với việc chuyển đổi hệ thống cây trồng theo phương thức mới sau dồn điền đổi thửa đã đạt hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với phương thức cũ của các nông hộ thường làm trước đây. Nhiều nơi trên địa bàn các xã thực hiện dồn điền đổi thửa đã chuyển những diện tích sản xuất năng suất thấp sang mô hình khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Tuy nhiên, những kết quả tăng lên của giá trị gia tăng cũng chỉ mang tính tương đối do giá cả thị trường không ngừng thay đổi qua hàng năm.

Thực tiễn công tác dồn điền đổi thửa và tác động đến phát triển nông nghiệp và nông thôn tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng 6. Biến động diện tích các loại đất trước và sau dồn điền đổi thửa của 10 xã của huyện Phú Vang

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích, (Ha)	So với trước ĐĐĐT (2005), (Ha)	
				Diện tích trước ĐĐĐT	Tăng (+), giảm (-)
	Đất tự nhiên		15.028,61	15.081,18	-52,57
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.106,34	6.921,74	1.184,60
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	6.922,28	5.857,06	1.065,22
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	6.887,97	5.815,19	1.072,78
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.224,05	5.471,28	752,77
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	663,92	343,91	320,01
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34,31	41,87	-7,56
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	399,99	350,85	49,14
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	399,99	350,85	49,14
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	774,83	713,24	61,59
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,24	0,59	8,65
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.308,85	6.713,59	-404,74
2.1	Đất ở	OTC	1.209,90	1.111,21	98,69
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.209,90	1.111,21	98,69
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1.444,81	1.462,8	-17,99
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan công trình, sự nghiệp	CTS	24,22	20,2	4,02
2.2.2	Đất quốc phòng an ninh	CQA	1,48	0,66	0,82
2.2.3.	Đất sản xuất kinh doanh PNN	CSK	24,22	8,02	16,20
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.394,89	1.433,92	-39,03
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	124,73	87,4	37,33
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	977,73	995,05	-17,32
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	2.550,39	3.057,13	-506,74
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,29	0,00	1,29
3	Đất chưa sử dụng	CSD	613,42	1.445,85	-832,43

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường, huyện Phú Vang, 2010

Bảng 7. Tỷ lệ sử dụng đất trước và sau khi dồn điền đổi thửa

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước ĐĐĐT (2005)	Sau ĐĐĐT (2012)	Tăng (+) Giảm (-)
Diện tích đất tự nhiên	ha	15.081,18	15.028,61	- 52,57
Diện tích đất chưa sử dụng	ha	1.445,85	613,42	- 832,43
Tỷ lệ sử dụng đất	%	90,41	95,92	5,51

Nguồn: Phòng Thống kê và Phòng Tài nguyên và Môi trường, huyện Phú Vang

Bảng 8. Hệ số sử dụng đất trước và sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước ĐĐĐT (2005)	Sau ĐĐĐT (2012)	Tăng (+) Giảm(-)
Tổng diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	10.820,5	12.989	+2.168,5
Diện tích đất canh tác	Ha	5.815,19	6.887,97	+1072,78
Hệ số sử dụng đất	Lần	1,86	1,89	+0,03

Nguồn: Phòng Thống kê và Phòng Tài nguyên và Môi trường, huyện Phú Vang

Bảng 9. Tác động dồn điền đổi thửa đến hiệu quả sản xuất của hộ nông dân (ĐVT: 1000 đồng)

Kiểu sử dụng đất		Giá trị sản xuất		Chi phí sản xuất		Giá trị gia tăng	
Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT	Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT	Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT	Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT
Lúa - Đất bỏ hoang	Lúa - Lúa	88.635,3	283.359,4	45.236,8	114.083,2	43.398,5	169.376,2
Lúa - Lúa	Lúa - Cá	93.136,6	212.348,6	48.142,3	102.194,5	44.994,3	110.154,1
Lúa - Lúa	Lúa - Lúa	204.143,5	363.428,3	113.264,7	192.748,4	90.878,8	170.479,9

Nguồn: Điều tra thực tế

Bảng 10. So sánh giá trị sản xuất (GTSX) của nông nghiệp trước và sau khi dồn điền đổi thửa của huyện Phú Vang (ĐVT: Triệu đồng)

Ngành kinh tế	Trước ĐĐĐT (2005)	Cơ cấu (%)	Sau ĐĐĐT (2012)	Cơ cấu (%)	Tăng (+) Giảm (-)
Nông nghiệp	284.615	100,00	450.004	100,00	165.389
1. Trồng trọt	184.253	64,74	324.483	72,11	140.230
1.1. Trồng lúa	112.422	61,01	187.914	57,91	75.492
1.2. Trồng cây lương thực khác	32.098	17,42	81.764	25,20	49.666
1.3. Trồng cây công nghiệp	6.661	3,62	11.039	3,40	4.378
1.4. Trồng cây rau, đậu, gia vị	26.210	14,23	36.200	11,16	9.990
1.5. Sản phẩm phụ trồng trọt	6.862	3,72	7.566	2,33	704
2. Chăn nuôi	64.748	22,75	90.211	20,04	25.463
2.1. Chăn nuôi gia súc	44.498	68,72	66.478	73,69	21.980
2.2. Chăn nuôi gia cầm	20.250	31,28	23.733	26,31	3.483
3. Hoạt động dịch vụ phục vụ trồng trọt và chăn nuôi	35.614	12,51	35.310	7,85	-304
3.1. Dịch vụ nông nghiệp	35.614	12,51	35.310	100,00	-304

Nguồn: Phòng thống kê và UBND huyện Phú Vang, 2009-2012 và tổng hợp từ điều tra thực tế

Qua bảng 10 cho thấy, GTSX trong lĩnh vực nông nghiệp tạo ra trên địa bàn huyện Phú Vang không ngừng tăng lên so với trước khi thực hiện dồn điền đổi thửa, nếu trước kia chỉ là 284.615 triệu đồng thì năm 2012 tăng 165.389 triệu đồng tương ứng 450.004 triệu đồng. Trong cơ cấu ngành nông nghiệp thì ngành trồng trọt

vẫn chiếm ưu thế, tỷ trọng ngành trồng trọt trong đóng góp về GTSX có xu hướng tăng lên, từ 64,74% lên 72,11% năm 2012, tăng 7,37%. Trong đó ở tất cả các ngành của trồng trọt đều tăng lên về GTSX. Tuy nhiên cơ cấu đóng góp có thay đổi, nếu trước dồn điền đổi thửa trồng lúa đóng góp 61,01% nhưng sau dồn điền còn lại 57,91%, giảm

3,1%. Trong khi đó các ngành khác như trồng cây lương thực khác, trồng cây rau, đậu, gia vị đều có xu hướng tăng theo từng năm. Việc tăng GTSX thực tế do nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó có nguyên nhân do thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa làm cho việc đầu tư và tổ chức lại sản xuất của các nông hộ tốt hơn, người dân tăng cường thâm canh và ứng dụng tốt tiến bộ kỹ thuật vì quy mô thửa đất được nâng lên.

3.3.2. Tác động của công tác dồn điền đổi thửa đến phát triển nông nghiệp và nông thôn của huyện

Đối với chỉ tiêu số 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch. Đây là điều kiện tiên quyết và là tiêu chí đầu tiên trong 19 tiêu chí. Trên thực tế công tác dồn điền đổi thửa đã từng bước khắc phục tình trạng mảnh mún ruộng đất từ đó tạo điều kiện thuận lợi để quy hoạch vùng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng góp phần rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, từ đó gia tăng thu nhập cho người dân và hướng đến xây dựng một nền nông thôn mới.

Hai tiêu chí quan trọng khác cũng liên quan tới công tác dồn điền đổi thửa đó là tiêu chí giao thông và thủy lợi.

Tổng khối lượng đào đắp cả giao thông và thủy lợi của 16 HTX là 1.032.422m³ đất, chi phí đầu tư khoảng 11,43 tỷ đồng. Sau khi giao ruộng trên thực địa, với hệ thống giao thông nội đồng, bờ vùng, bờ thửa hoàn chỉnh, ranh giới rõ ràng

nên không có tranh chấp hay xích mích giữa các hộ nông dân. Điều đó đã tạo nên tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển kinh tế nông hộ. Người dân đã thực sự yên tâm sản xuất trên những mảnh ruộng của mình, từ đó họ có điều kiện đầu tư, phát triển việc sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập, kinh tế của mỗi hộ gia đình được cải thiện. Kinh tế phát triển tạo điều kiện cho việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện. Giao thông, điện, nước được chú trọng đầu tư về từng xã, thôn và hộ gia đình. Các trạm xá, bệnh viện, trường học được sự quan tâm lớn nên sức khỏe cộng đồng và trình độ học vấn của người dân tăng lên, đem lại lợi ích về mặt xã hội và cũng góp phần thực hiện những tiêu chí còn lại để xây dựng nông thôn mới.

3.4. Đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn

3.4.1. Một số tồn tại

Sau 10 năm thực hiện công tác dồn điền đổi thửa còn tồn tại một số hạn chế trong khâu triển khai, đó là: Một số cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở chưa thực sự coi trọng công tác dồn điền đổi thửa, chưa quan tâm đến quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất, chưa chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là xây dựng chương trình thâm canh và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng

Bảng 11. So sánh hệ thống giao thông, thủy lợi trước và sau dồn điền đổi thửa của 10 xã huyện Phú Vang

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước ĐĐĐT(2005)	Sau ĐĐĐT(2012)	So sánh sự tăng/giảm
1. Kênh mương được kiên cố hóa	km	42,03	65,98	+ 23,95
2. Cống	cái	93,00	128,00	+35
3. Trạm bơm	cái	32,00	48,00	+16
4. Diện tích gieo trồng	ha	10.820,50	12.989,00	+2168,5
5. Diện tích được tưới	ha	7.872,00	10.557,00	+2685
-% diện tích được tưới	%	72,75	81,28	+8,53
6. Đường giao thông nội đồng				
- Số tuyến	tuyến	221,00	411,00	+190
- Diện tích	m ²	158.267,00	434.056,00	+275789

Nguồn: UBND huyện Phú Vang 2009-2012

cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng có giá trị kinh tế cao trên đơn vị diện tích; công tác triển khai chưa triệt để, chưa nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước; vẫn còn một ít cán bộ và nhân dân nhận thức về ý nghĩa về việc dồn điền chưa thực sự thông suốt, kinh phí để phục vụ cho công tác dồn điền đổi thửa còn gặp nhiều khó khăn, công tác chuyển đổi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa vẫn còn kéo dài, nguồn kinh phí để hoàn thiện hệ thống kênh mương, thủy lợi còn gặp nhiều khó khăn và chưa đồng bộ.

3.4.2. Giải pháp

a. Thực hiện cấp giấy CNQSDĐ

Qua 2 năm thực hiện dồn điền đổi thửa (2005 -2006) trên địa bàn huyện sau khi giao đất thực địa (giao đất xong vào cuối năm 2006) UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND các xã tiến hành việc cấp lại GCNQSDĐ cho nông dân nhằm tạo điều kiện pháp lý cho nông dân. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa hoàn thành việc cấp GCNQSDĐ cho tất cả các thửa ruộng điều này ảnh hưởng đến việc sản xuất của người dân cũng như yên tâm đầu tư và phát triển theo hướng xây dựng nông thôn mới. Để khắc phục điều này có thể áp dụng một số giải pháp sau: Tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp trong công tác phối hợp tổ chức thực hiện liên quan lĩnh vực đất đai; cấp tỉnh cần xem xét hỗ trợ kinh phí cho huyện, xã thực hiện việc đo đạc quản lý đất công; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân chấp hành tốt pháp luật trên lĩnh vực đất đai, nhất là thực hiện quy hoạch sử dụng đất, chỉnh lý hồ sơ địa chính; có giải pháp khắc phục tình trạng sai sót đối với các hồ sơ đo đạc chính quy sai so với hiện trạng sử dụng; đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; thành lập và kiện toàn Văn phòng đăng ký QSDĐ cấp huyện, bố trí đủ nhân lực và các trang thiết bị kỹ thuật cần thiết để triển khai được nhanh và đồng bộ.

b. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng nông nghiệp và nông thôn

Trước khi bắt tay vào xây dựng nông nghiệp và nông thôn, mỗi người dân phải ý thức rõ mô hình nông thôn mới mà mình sẽ chung tay, đồng sức, đồng lòng xây dựng. Để có mô hình nông

thôn mới mang tính kế thừa và bổ sung, phát triển mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vấn đề quy hoạch được đặt lên hàng đầu, trở thành tiêu chí đầu tiên. Nếu quy hoạch không đảm bảo có chất lượng và khả thi thì không thể có nông thôn mới.

Thực tế quy hoạch xây dựng nông thôn mới hiện nay tại huyện Phú Vang đang gặp những khó khăn, vướng mắc. Để việc quy hoạch và phát triển nông nghiệp và nông thôn có chất lượng, hiệu quả, mang tính khả thi, cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau đây: Cấp ủy, chính quyền, địa phương cần nâng cao nhận thức cho mọi người dân về nông thôn mới; công bố các quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch kế hoạch bố trí cây trồng trên đồng ruộng; có biện pháp hỗ trợ cho người nông dân thực hiện đúng theo quy hoạch vùng sản xuất; phát triển có quy hoạch, theo đúng tiêu chuẩn, gắn với đặc thù, tiềm năng, lợi thế của từng địa xã; sắp xếp lại khu dân cư, khu vực sản xuất hàng hóa (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, nguyên liệu,...), khu chợ và dịch vụ thương mại, khu trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, khu cấp nước sạch, khu xử lý rác thải và vệ sinh môi trường.

c. Thay đổi cơ cấu cây trồng, mô hình sản xuất phù hợp

Việc thay đổi cơ cấu cây trồng và mô hình sản xuất phù hợp sẽ làm nâng cao thu nhập cho người dân. Tập trung đầu tư phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội trong xây dựng nông thôn mới thông qua các công việc như: đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho người dân, hỗ trợ vốn phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất. Tích cực thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn của huyện, phát triển các hình thức tổ chức sẵn có, như: hợp tác xã, tổ hợp tác để hướng dẫn nông dân tiếp cận, gia nhập thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt đối với các mặt hàng có lợi thế.

d. Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi

Sau khi thực hiện công tác dồn điền đổi thửa việc xây dựng hệ thống giao thông thủy lợi nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất cũng như đời

sống của nhân dân ngày càng được chú trọng. Hạ tầng giao thông nông thôn đặc biệt là giao thông nội đồng đã có bước phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai công trình giao thông thủy lợi tại các xã điểm vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Vì vậy, cần có những biện pháp hữu hiệu để khắc phục và phát triển giao thông thủy lợi như: Nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân, tích cực công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng công trình giao thông thủy lợi; giải quyết thủ tục tạm ứng vốn ngân sách hỗ trợ làm nền giao thông nội đồng ở một số xã; Huy động tích cực và linh hoạt, tranh thủ tất cả các nguồn vốn theo phương châm, đa dạng hóa các nguồn vốn, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn từ bên ngoài; Đối với những hộ gia đình được giao ruộng xấu hơn so với trước dồn điền đổi thửa thì cần có những hỗ trợ như giảm tiền thủy lợi phí, xây dựng giao thông nội đồng... để người dân thấy rằng công tác dồn điền đổi thửa thực sự là hiệu quả và mang lại lợi ích cho người nông dân trong việc sản xuất.

4. KẾT LUẬN

Thực trạng manh mún ruộng đất trước khi dồn điền đổi thửa của huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế là khá lớn, số thửa nhiều và qui mô diện tích mỗi thửa lại nhỏ. Kết quả chính sách dồn điền đổi thửa trong gần 10 năm qua đã làm giảm đáng kể số thửa đất canh tác bình quân của hộ, trung bình chỉ còn 2,26 thửa/hộ, diện tích của mỗi thửa đất cũng được tăng 747,51 m² so với trước. Đến năm 2011 huyện đã cấp được GCNQSDĐ cho 8.970 hộ, số GCNQSDĐ đã cấp là 20.855 giấy; Diện tích đất các loại đất luôn biến động trong những năm qua. Tác động của công tác dồn điền đổi thửa đến việc phát triển nông nghiệp và nông thôn tại các xã của huyện là khá rõ, hiệu quả sử dụng đất tăng tác động tích cực đến kinh tế hộ nông nghiệp và góp phần phát triển nông nghiệp và nông thôn mới thông qua quy hoạch sản xuất, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện các công trình giao thông, thủy lợi, cấp lại GCNQSDĐ, mức độ cơ giới hóa vẫn còn chậm.

Sau dồn điền đổi thửa, cần phải tiến hành đồng thời công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tổ chức quản lý đất đai, thiết lập hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ban hành các chính sách khuyến khích và bảo đảm các quyền và sự bình đẳng tiếp cận ruộng đất. Cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đất đai cũng như trong tổ chức ngân hàng, tín dụng, tăng khối lượng vốn cho vay dài hạn và lãi suất ưu đãi để người dân có điều kiện đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tiến Dũng (2013). “Mở cửa” bằng dồn điền đổi thửa. Theo trang web: <http://danviet.vn/143120p1c34/mo-cua-bang-don-dien-doi-thua.htm>.
- Marsh S.P., MacAulay T.G. và Phạm Văn Hùng (biên tập) 2007. Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam: Tóm tắt chính sách. ACIAR Tài liệu nghiên cứu số 126, 72 trang.
- Nghị định của Chính phủ số 64/CP ngày 27-9-1993 về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.
- Phòng thống kê huyện Phú Vang, Niên giám thống kê năm 2005, 2009, 2011, 2012.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Vang (2009). Báo cáo tổng kết chủ trương dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Vang.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Vang (2006). Báo cáo đánh giá công tác dồn điền đổi thửa tại hội nghị tổng kết chủ trương dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Vang.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Vang (2006). Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp sau ĐĐĐT tại huyện Phú Vang.
- Nguyễn Xuân Thảo (2004). Góp phần phát triển bền vững nông thôn Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1993). Luật Đất đai. Nhà xuất bản chính trị Quốc gia. Hà Nội.
- UBND huyện Phú Vang (2005). Báo cáo thống kê diện tích đất đai trước và sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa.
- UBND huyện Phú Vang. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2009, 2010, 2011, 2012.
- UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế (2011). Báo cáo kết quả dồn điền đổi thửa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.